

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT OCEAN
ASIAN GROUP**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT OCEAN ASIAN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OCEAN ASIAN GROUP TRADING AND PRODUCTION IMPORT EXPORT LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: OCEAN ASIAN GROUP TAPIE CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110390715

3. Ngày thành lập: 19/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 113, phố Nguyễn Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912426483

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610(Chính)
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác: Bán buôn thực phẩm bao gồm: thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm; (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế () Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4659

25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác - Bán buôn dầu thô - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan bao gồm: + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: Xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; + Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác. - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan. (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4663
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4669
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
32.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
33.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu hàng hóa; - Đại diện cho thương nhân; - Ủy thác mua bán hàng hóa; - Nhượng quyền thương mại (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	8299
35.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810

36.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản; - Tư vấn bất động sản; - Quản lý bất động sản. (Trừ đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
37.	Quảng cáo	7310
38.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động báo chí)	7320
39.	Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4690
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
45.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Bán lẻ xăng dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730
47.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
48.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
49.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
50.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
51.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
52.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
53.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
54.	Sản xuất chè	1076
55.	Sản xuất cà phê	1077
56.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
57.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
58.	Sản xuất rượu vang	1102
59.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
60.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
61.	Sản xuất vải dệt thoi	1312

62.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
63.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
64.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
65.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
66.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
67.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
68.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
69.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
70.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
71.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
72.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
73.	Sản xuất giày, dép	1520
74.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
75.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
76.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
77.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
78.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
79.	In ấn	1811
80.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
81.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
82.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
83.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
84.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
85.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
86.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
87.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
88.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
89.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	2100
90.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
91.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
92.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
93.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
94.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
95.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
96.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

97.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
98.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
99.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
100.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
101.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
102.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
103.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
104.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
105.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ các hàng hóa cấm, loại trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tiền kim khí; Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774
106.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
107.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
108.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
109.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
110.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
111.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá Tài sản)	4789
112.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
113.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá Tài sản)	4799
114.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
115.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
116.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
117.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
118.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
119.	Bốc xếp hàng hóa	5224
120.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

121.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. - Logistics. (Không bao gồm các hoạt động hỗ trợ liên quan đến đường không và không bao gồm hoạt động Môi giới thuê tàu biển và máy bay)	5229
122.	Chuyển phát	5320
123.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
124.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
125.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
126.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
127.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
128.	Đại lý du lịch	7911
129.	Điều hành tua du lịch	7912
130.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
131.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
132.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
133.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
134.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
135.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
136.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
137.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
138.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
139.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
140.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
141.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
142.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
143.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

144.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4741
145.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
146.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
147.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4752
148.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4753
149.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4759
150.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại nhà nước cấm)	4761
151.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại nhà nước cấm)	4762
152.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
153.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
154.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
155.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình; - Bán lẻ dụng cụ y tế trang thiết bị y tế; - Bán lẻ thuốc; - Bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền;	4772
156.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ các hàng hóa cấm, loại trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tiền kim khí; tem và vàng trang sức; Loại trừ hoạt động đầu giá)	4773

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THUY LINH	Việt Nam	22 ngõ 403, phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	50,000	001182013676	
2	NGUYỄN THANH TÙNG	Việt Nam	Căn hộ 1212A, C1A, Ecohome 2, đường Tân Xuân, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	50,000	025082000337	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THUY LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/09/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001182013676

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Số 22 ngõ 403, phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 22 ngõ 403, phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội